QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC DỰA TRÊN DỮ LIỆU TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: ĐỊNH HƯỚNG BẢO ĐẢM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TẠI TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Vũ Thị Lý, Trần Thị Yến Nhi, Nguyễn Văn Xu, Vũ Nguyên Chấn
Trường Đại học Đồng Tháp
Email: vtly@dthu.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích quản trị cơ sở giáo dục dựa trên dữ liệu như một nền tảng cho bảo đảm và nâng cao chất lượng trong bối cảnh chuyển đổi số, qua trường hợp Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính theo hướng nghiên cứu trường hợp, kết hợp tổng quan tài liệu, phân tích báo cáo hoạt động và thống kê mô tả. Kết quả cho thấy Trung tâm tạo ra nhiều dữ liệu từ tuyển sinh, tổ chức lớp, giảng dạy, kiểm tra đánh giá, khảo thí và phản hồi, nhưng giá trị quản trị chỉ hình thành khi dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối và đưa vào quy trình ra quyết định rõ ràng. Nghiên cứu đề xuất khung năm thành tố gồm hạ tầng dữ liệu số, quy trình dữ liệu, bộ chỉ báo chất lượng, ra quyết định dựa trên bằng chứng, an toàn và đạo đức dữ liệu. AI được xem là công cụ hỗ trợ phân tích và cảnh báo; con người vẫn giữ quyền kiểm soát và trách nhiệm cuối cùng.*

Từ khóa: *quản trị dữ liệu; chuyển đổi số; trí tuệ nhân tạo; bảo đảm chất lượng; Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học.*

DATA-DRIVEN GOVERNANCE IN EDUCATIONAL INSTITUTIONS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: DIRECTIONS FOR QUALITY ASSURANCE AND ENHANCEMENT AT THE CENTER FOR FOREIGN LANGUAGES AND INFORMATICS, DONG THAP UNIVERSITY

Abstract: *This study examines data-driven governance as a practical foundation for quality assurance and enhancement in the context of digital transformation, using the Center for Foreign Languages and Informatics at Dong Thap University as a case study. A qualitative case-study approach was employed, combining a review of relevant literature, analysis of institutional activity reports, descriptive statistics, and professional observations. The findings indicate that the Center generates substantial data from admissions, class organization, teaching, assessment, testing, learner feedback, and administrative operations. However, such data become useful for governance only when they are standardized, connected, and embedded in a clear decision-making process. The study therefore proposes a five-component governance framework covering digital data infrastructure, data processes, quality indicators, evidence-based decision-making, and data security and ethics. Artificial intelligence is positioned as a supporting tool for pattern detection, alerts, and information synthesis, while human actors retain oversight and final accountability.*

Keywords*: data governance; digital transformation; artificial intelligence; quality assurance; Center for Foreign Languages and Informatics.*

Nhận bài: 09/08/2026 Phản biện: 09/09/2026 Duyệt đăng: 13/09/2026

I. GIỚI THIỆU

Chuyển đổi số đang tác động trực tiếp đến cách các cơ sở giáo dục quản lý và nâng cao chất lượng. Bên cạnh các hệ thống quản lý, lớp học trực tuyến hay công cụ trí tuệ nhân tạo, mỗi ngày cơ sở giáo dục tạo ra lượng lớn dữ liệu về người học, lớp học, điểm danh, kết quả kiểm tra, khảo thí, phản hồi và hoạt động quản lý. Nếu chỉ được lưu trữ riêng lẻ, dữ liệu mới dừng ở những con số hoặc tệp thông tin. Khi được chuẩn hóa, kết nối và phân tích, chúng trở thành cơ sở giúp nhà quản lý nhận diện vấn đề, hiểu nguyên nhân và đưa ra quyết định phù hợp. Đây chính là bước chuyển quan trọng từ "có dữ liệu" sang "quản trị dựa trên dữ liệu".

Khó khăn phổ biến hiện nay là dữ liệu thường phân tán ở nhiều hệ thống, biểu mẫu và bộ phận khác nhau. Việc thiếu thống nhất về mã định danh, thời điểm chốt số liệu hoặc định dạng dễ dẫn đến trùng lặp và thiếu nhất quán. OECD (2023) cho rằng một hệ sinh thái giáo dục số hiệu quả cần kết nối hạ tầng, dữ liệu, nền tảng và con người trong một cơ chế có khả năng liên thông. Khi đó, dữ liệu mới thực sự hỗ trợ cho cải tiến thay vì chỉ phục vụ báo cáo hành chính.

Quản trị dữ liệu cũng gắn chặt với bảo đảm chất lượng. Chất lượng không chỉ được xem xét vào cuối năm học hay khi kiểm định, mà thể hiện trong những quyết định hằng ngày như mở lớp, hỗ trợ người học, điều chỉnh chương trình, theo dõi kết quả khảo thí hay phân bổ nguồn lực.

Tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp, từ tháng 7/2025 đến tháng 5/2026, đơn vị đã tổ chức 11 hội đồng thi VSTEP

cho 4.976 thí sinh, 17 hội đồng thi chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cho 4.244 thí sinh và kiểm tra xếp lớp cho gần 2.300 sinh viên. Khối lượng hoạt động này tạo ra nhiều nguồn dữ liệu cần được quản trị thống nhất.

Từ thực tế đó, bài viết đề xuất xây dựng khung quản trị dữ liệu gắn với hệ thống chỉ báo chất lượng và quy trình ra quyết định. AI được xem là công cụ hỗ trợ phân tích, cảnh báo và gợi ý, trong khi con người vẫn giữ vai trò kiểm tra và quyết định cuối cùng.

II. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1. Quản trị cơ sở giáo dục dựa trên dữ liệu

Quản trị cơ sở giáo dục dựa trên dữ liệu là việc sử dụng dữ liệu và bằng chứng một cách có hệ thống để hỗ trợ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá và cải tiến. Dữ liệu chỉ thực sự trở thành nguồn lực quản trị khi được thu thập đúng mục đích, chuẩn hóa, kiểm tra độ tin cậy, phân tích trong bối cảnh và chuyển thành quyết định có căn cứ.

Abraham, Schneider và vom Brocke (2019) cho rằng quản trị dữ liệu không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn liên quan đến cơ chế, phạm vi tổ chức, loại dữ liệu và trách nhiệm của các chủ thể trong toàn bộ vòng đời dữ liệu. Trong cơ sở giáo dục, điều này đòi hỏi phải xác định rõ ai tạo dữ liệu, ai kiểm tra, ai được quyền khai thác và dữ liệu được sử dụng cho mục đích nào.

Ra quyết định dựa trên dữ liệu cũng không đồng nghĩa với quản lý bằng các con số đơn thuần. Một tỷ lệ đạt chuẩn giảm liên quan đến đầu vào, chương trình, thời lượng học, phương pháp giảng dạy hoặc hình thức đánh giá. Dữ liệu giúp nhận diện điều đang xảy ra, nhưng việc giải thích nguyên nhân vẫn cần kết hợp với phản hồi của người học, nhận xét của giảng viên và kinh nghiệm chuyên môn. Mandinach và Schildkamp (2021) nhấn mạnh sự kết hợp giữa dữ liệu và hiểu biết bối cảnh trong quá trình ra quyết định giáo dục.

2.2. Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số

Bảo đảm chất lượng là quá trình liên tục từ xác định mục tiêu, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả đến phản hồi và cải tiến. Trong môi trường số, nhà quản lý tiếp cận nhiều dữ liệu hơn về tuyển sinh, chuyên cần, tiến độ học tập, kết quả đánh giá, phản hồi và hiệu quả dịch vụ hỗ trợ.

Phân tích dữ liệu và AI giúp nhận diện xu hướng, phát hiện bất thường, phân nhóm phản hồi hoặc cảnh báo sớm những vấn đề cần quan tâm. Tuy nhiên, UNESCO (2023a) cho rằng công nghệ chỉ có giá trị khi phục vụ mục tiêu giáo dục và được triển khai trong điều kiện có hạ tầng, năng lực chuyên môn và cơ chế quản trị phù hợp. Vì vậy, hiệu quả chuyển đổi số không nên đo bằng số lượng công cụ được sử dụng mà bằng khả năng cải thiện chất lượng quyết định và hỗ trợ người học.

Việc sử dụng dữ liệu và AI cũng đặt ra yêu cầu về bảo mật, quyền riêng tư, minh bạch và trách nhiệm giải trình. European Commission (2022), Chan (2023) và UNESCO (2023b) đều nhấn mạnh vai trò kiểm soát của con người. Với cơ sở giáo dục, nguyên tắc phù hợp là chỉ thu thập dữ liệu cần thiết, phân quyền theo nhiệm vụ, kiểm tra kết quả do AI tạo ra và duy trì trách nhiệm của con người đối với quyết định cuối cùng.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu về quản trị dữ liệu, phân tích học tập và AI trong giáo dục đã khá phong phú nhưng chủ yếu tập trung ở quy mô toàn trường hoặc toàn hệ thống. Trong khi đó, trung tâm ngoại ngữ và tin học có đặc điểm riêng khi vừa tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, khảo thí, cấp chứng chỉ và liên kết đào tạo, vừa phục vụ nhiều nhóm người học khác nhau.

Khoảng trống đáng chú ý nằm ở sự kết nối giữa quản trị dữ liệu, hệ thống chỉ báo chất lượng và quy trình ra quyết định. Dữ liệu chỉ có ý nghĩa khi được chuyển thành chỉ báo, được diễn giải thành bằng chứng và dẫn tới hành động cải tiến. Vì vậy, bài viết tiếp cận theo chuỗi liên tục: quản trị dữ liệu - xây dựng chỉ báo - phân tích bằng chứng - ra quyết định - theo dõi tác động.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính theo hướng nghiên cứu trường hợp tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp. Nguồn dữ liệu gồm tài liệu lý luận, báo cáo hoạt động và thông tin thực tiễn liên quan đến đào tạo, khảo thí, người học và quản lý.

Các kỹ thuật chính gồm phân tích tài liệu, tổng hợp lý luận, phân tích thực tiễn và mô hình hóa khung quản trị dữ liệu. Các số liệu sẵn có được xử lý bằng thống kê mô tả để phản ánh quy mô hoạt động, tỷ lệ đạt chuẩn và mức độ hài lòng. Kết quả lý luận sau đó được đối chiếu với thực tiễn vận hành của Trung tâm nhằm xác định các nhóm dữ liệu cần quản trị, các thành tố của khung và quy trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tế.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Nhận diện các nhóm dữ liệu cần quản trị

Dữ liệu tại Trung tâm phát sinh từ nhiều hoạt động, gồm người học (đăng ký, xếp lớp, học tập, kiểm tra, kết quả và phản hồi), giảng viên (phân công, tiến độ, học liệu, điểm danh, đánh giá), khảo thí (thí sinh, kỳ thi, kết quả, tỷ lệ đạt) và dữ liệu về đối tác, nhân sự, cơ sở vật chất, tiến độ công việc. Nếu các nhóm dữ liệu bị tách rời, nhà quản lý khó nhận diện mối liên hệ giữa đầu vào, quá trình và đầu ra.

Quy mô hoạt động cho thấy nhu cầu kết nối dữ liệu lớn. Từ 7/2025 đến 5/2026, Trung tâm tổ chức 11 hội đồng VSTEP với 4.976 thí sinh, 17 hội đồng thi Ứng dụng công nghệ thông tin với 4.244 thí sinh và gần 2.300 sinh viên tham gia kiểm tra xếp lớp. Báo cáo ghi nhận 261 lớp ngoại ngữ, 79 lớp Ứng dụng công nghệ thông tin, 15 lớp Cambridge, IELTS và 30 lớp tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh mầm non. Các số liệu này cho thấy hệ thống dữ liệu có nhiều điểm giao nhau giữa người học, lớp học, chương trình và kết quả, đòi hỏi được quản trị và kết nối thống nhất.

Bảng 1. Các nhóm dữ liệu cần quản trị tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học

Nhóm dữ liệu	Dữ liệu tham khảo từ báo cáo	Nội dung cần quản trị	Ý nghĩa đối với bảo đảm chất lượng
Dữ liệu người học	Gần 2.300 sinh viên dự kiểm tra xếp lớp; 286 học sinh học tiếng Anh tăng cường; 518 trẻ tham gia chương trình làm quen tiếng Anh; 4.976 thí sinh VSTEP và 4.244 thí sinh thi chứng chỉ CNTT	Hồ sơ, mã định danh, trình độ ban đầu, nhu cầu học, mức độ tham gia và lịch sử kết quả	Phân loại, tư vấn, theo dõi tiến bộ và nhận diện người học cần hỗ trợ
Dữ liệu lớp học	261 lớp ngoại ngữ; 79 lớp Ứng dụng CNTT; 15 lớp Cambridge, IELTS; 30 lớp tiếng Anh tăng cường và tiếng Anh mầm non	Chương trình, lịch học, sĩ số, điểm danh, tỷ lệ duy trì, thời điểm mở và kết thúc lớp	Theo dõi vận hành, nhận diện sớm lớp giảm sĩ số, tối ưu kế hoạch mở lớp
Dữ liệu kết quả học tập và khảo thí	4.285/4.976 thí sinh VSTEP đạt chuẩn (86,11%); 3.951/4.244 thí sinh CNTT đạt chuẩn (93,10%)	Điểm số, tỷ lệ đạt, chuẩn đầu ra, kết quả theo kỳ thi, khóa học và nhóm người học	Đánh giá xu hướng kết quả, làm căn cứ điều chỉnh nội dung ôn tập và kiểm tra
Dữ liệu giảng dạy	Sáu lớp với 286 học sinh do giáo viên nước ngoài giảng dạy; chương trình, bài giảng và ngân hàng câu hỏi đang được chuẩn hóa	Hồ sơ giảng viên, phân công, kế hoạch và tiến độ giảng dạy, học liệu, ngân hàng câu hỏi	Theo dõi chất lượng dạy học và sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung và đánh giá
Dữ liệu phản hồi	Mức hài lòng của người học và người dạy về cơ sở vật chất, thiết bị, hoạt động hỗ trợ từ 76,12% đến 82,97%	Ý kiến người học, giảng viên, phụ huynh, đối tác; khiếu nại; thời gian phản hồi và xử lý	Xác định nhu cầu cải tiến chương trình, dịch vụ hỗ trợ và điều kiện học tập
Dữ liệu quản lý	Trung tâm duy trì 12 đối tác, mở rộng thêm 5 cơ sở giáo dục; khối lượng công việc tăng trong khi nhân sự còn hạn chế	Nhân sự, tài chính, đối tác, cơ sở vật chất, thiết bị, truyền thông và tiến độ công việc	Phân bổ nguồn lực, xem xét hiệu quả hợp tác và cải thiện hiệu suất quản lý

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học năm 2026.

Một điểm đáng chú ý trong báo cáo là cùng một hoạt động xuất hiện các số liệu khác nhau tùy thời điểm khóa sổ. Bảng thống kê đến tháng 5/2026 ghi nhận 11 hội đồng VSTEP với 4.976 thí sinh và 17 hội đồng thi CNTT với 4.244 thí sinh, trong khi bảng chỉ tiêu năm học nêu 12 kỳ VSTEP với 5.549 thí sinh và 19 kỳ thi CNTT với 4.758 thí sinh. Chênh lệch này xuất phát từ phạm vi thống kê hoặc thời điểm chốt số liệu. Vấn đề không nằm ở việc một con số "đúng" còn con số kia "sai", mà ở chỗ người sử dụng phải biết mỗi con số thuộc phiên bản nào, được chốt vào lúc nào và dùng cho mục đích gì.

Từ trường hợp trên thấy yêu cầu đầu tiên của quản trị dữ liệu là khả năng truy nguyên. Mỗi bộ dữ liệu cần có kỳ báo cáo, định nghĩa chỉ tiêu, nguồn phát sinh, phiên bản và người xác nhận. Nếu thiếu các thông tin này, bảng điều khiển dễ hiển thị những con số không đồng nhất; AI cũng tạo cảnh báo sai lệch chỉ vì đầu vào được trộn từ các thời điểm khác nhau. Trong điều kiện đó, đầu tư thêm phần mềm chưa chắc giải quyết được vấn đề. Chuẩn hóa dữ liệu và cách hiểu dữ liệu cần đi trước.

4.2. Đề xuất khung quản trị dữ liệu tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học

Khung quản trị đề xuất xuất phát từ quan điểm đổi mới quản lý không nên bắt đầu bằng việc lựa chọn công cụ AI, mà bằng việc làm rõ dữ liệu và trách nhiệm: dữ liệu nào là nguồn chính thức, ai nhập, kiểm tra, truy cập và sử dụng cho phân tích. Khi các vấn đề này được xác định rõ, công nghệ mới có nền tảng để phát huy hiệu quả. Quan điểm này phù hợp với Abraham và cộng sự (2019) về vai trò của cơ chế quản trị và OECD (2023) về tính liên thông trong hệ sinh thái giáo dục số.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn của Trung tâm, nghiên cứu đề xuất 5 thành tố liên kết. Thứ nhất, hạ tầng dữ liệu số kết nối dữ liệu tuyển sinh, lớp học, điểm danh, kết quả, khảo thí, phản hồi và cơ sở vật chất bằng mã định danh thống nhất. Thứ hai, quy trình dữ liệu từ thu thập, kiểm tra, làm sạch, lưu trữ, cập nhật đến báo cáo, khai thác và hủy dữ liệu. Thứ ba, bộ chỉ báo chất lượng chuyển dữ liệu thô thành thông tin có ý nghĩa quản lý. Thứ tư, ra quyết định dựa trên bằng chứng, sử dụng các chỉ báo đáng tin cậy làm cơ sở quyết định. Thứ năm, an toàn và đạo đức dữ liệu, bao gồm bảo vệ thông tin cá nhân, phân quyền truy cập, minh bạch việc sử dụng AI và xác định trách nhiệm giải trình.

Bảng 2. Khung quản trị dữ liệu đề xuất tại Trung tâm

Thành tố	Nội dung đề xuất	Vận dụng tại Trung tâm
1. Hạ tầng dữ liệu số	Xây dựng hệ thống dữ liệu tích hợp, sử dụng mã định danh thống nhất, sẵn sàng kết nối công cụ phân tích và AI	Kết nối dữ liệu tuyển sinh, người học, lớp học, điểm danh, kết quả học tập, khảo thí, phản hồi và cơ sở vật chất
2. Quy trình dữ liệu	Quy định các bước thu thập, kiểm tra, làm sạch, lưu trữ, cập nhật, phân tích, báo cáo và hủy dữ liệu	Thống nhất biểu mẫu, thời điểm chốt số liệu, người nhập, người kiểm tra và dữ liệu được phép đưa vào AI
3. Bộ chỉ báo chất lượng	Xác lập chỉ báo phản ánh đầu vào, quá trình, kết quả, mức độ hài lòng và ngưỡng cảnh báo	Theo dõi tuyển sinh, duy trì lớp, chuyên cần, hoàn thành khóa, đạt chuẩn, phản hồi và sử dụng phòng máy; AI hỗ trợ cảnh báo
4. Ra quyết định dựa trên bằng chứng	Dùng dữ liệu đã phân tích và kết quả AI hỗ trợ để lựa chọn hoặc điều chỉnh phương án quản lý	Điều chỉnh kế hoạch lớp, phân công giảng viên, hỗ trợ người học, cập nhật chương trình; con người quyết định cuối cùng
5. An toàn và đạo đức dữ liệu	Bảo vệ thông tin cá nhân, kiểm soát truy cập, minh bạch cách dùng AI và duy trì trách nhiệm giải trình	Thu thập đúng mục đích; giới hạn truy cập; sao lưu, ẩn danh; kiểm tra kết quả AI trước khi sử dụng hoặc công bố

AI hỗ trợ tại đây bằng cách so sánh theo thời gian, phát hiện giá trị bất thường, nhóm các phản hồi tương tự hoặc tóm tắt biến động. Tuy nhiên, ngưỡng cảnh báo không nên để công cụ tự quyết định. Nó phải được xác lập từ mục tiêu chất lượng và kinh nghiệm chuyên môn, sau đó được kiểm nghiệm qua thực tế. Nguyên tắc xuyên suốt là "AI hỗ trợ, con người quyết định". Công cụ chỉ ra nơi cần chú ý; người quản lý vẫn phải kiểm tra dữ liệu, hỏi thêm thông tin và chịu trách nhiệm về lựa chọn cuối cùng.

4.3. Quy trình vận hành khung quản trị dữ liệu

Để khung quản trị không dừng ở sơ đồ, nghiên cứu đề xuất một chu trình vận hành gồm sáu bước: thu thập dữ liệu → chuẩn hóa dữ liệu → phân tích dữ liệu → báo cáo chỉ báo → ra quyết định → cải tiến chất lượng. Sáu bước liên kết với nhau và tạo thành vòng lặp. Một quyết định sau khi thực hiện lại tạo ra dữ liệu mới để đánh giá tác động, từ đó bắt đầu chu kỳ tiếp theo.

Ở bước thu thập, mỗi nguồn dữ liệu phải được xác định rõ nơi phát sinh, thời điểm cập nhật, mục đích sử dụng và bộ phận phụ trách. Bước chuẩn hóa xử lý trùng lặp, thống nhất mã người học, mã lớp, chương trình, kỳ thi và thời gian báo cáo. Chỉ dữ liệu đã qua kiểm tra mới nên đưa vào phân tích. Đây là nguyên tắc quan trọng, vì AI không thể tự sửa một hệ thống dữ liệu vốn đang thiếu hoặc được hiểu theo nhiều cách khác nhau.

Ở bước ra quyết định, dữ liệu và kết quả phân tích được đặt cạnh kinh nghiệm nghề nghiệp, phản hồi định tính và mục tiêu của đơn vị. Quyết định liên quan đến kế hoạch mở lớp, phân công giảng viên, nội dung chương trình, hỗ trợ người học hoặc đầu tư cơ sở vật chất. Bước cuối cùng là theo dõi tác động. Nếu cảnh báo AI không phù hợp hoặc chỉ báo không phản ánh đúng thực tế, hệ thống cần ghi nhận để điều chỉnh. Nhờ vậy, quản trị dữ liệu không phải một dự án làm một lần rồi kết thúc, mà trở thành cơ chế học hỏi thường xuyên của Trung tâm.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thách thức chính của quản trị dựa trên dữ liệu tại Trung tâm không nằm ở thiếu dữ liệu mà ở khả năng chuẩn hóa, kết nối và chuyển dữ liệu thành thông tin phục vụ quyết định. Dữ liệu hiện có về người học, lớp học, khảo thí, tỷ lệ đạt chuẩn và mức độ hài lòng nếu chỉ tổng hợp cuối kỳ sẽ hạn chế giá trị quản trị. Chuyển đổi số chỉ hiệu quả khi dữ liệu giúp nhận diện vấn đề sớm và hỗ trợ quyết định có căn cứ.

Điều này đòi hỏi thay đổi văn hóa tổ chức, coi dữ liệu là trách nhiệm chung và tăng cường năng lực đọc, phân tích, sử dụng dữ liệu cho đội ngũ. Đồng thời, cần kiểm soát chất lượng dữ liệu thông qua thống nhất mã định danh, định nghĩa chỉ báo, nguồn dữ liệu, thời điểm chốt và phiên bản báo cáo.

Đối với AI, nên triển khai từng bước ở các nhiệm vụ rủi ro thấp như tổng hợp phản hồi, theo dõi sĩ số, so sánh kết quả và cảnh báo tiến độ. Mỗi thử nghiệm cần đánh giá độ chính xác, thời gian tiết kiệm và khả năng hỗ trợ quyết định, chỉ mở rộng khi chứng minh được hiệu quả.

Nhìn chung, khung quản trị năm thành tố không yêu cầu thay đổi toàn bộ hệ thống cùng lúc mà cần duy trì logic: dữ liệu rõ nguồn, chỉ báo có ý nghĩa, quyết định dựa trên bằng chứng và kết quả được theo dõi. Khi chu trình này ổn định, chuyển đổi số trở thành phương thức cải tiến quản lý thay vì chỉ bổ sung công nghệ.

V. KẾT LUẬN

Quản trị cơ sở giáo dục dựa trên dữ liệu là hướng tiếp cận phù hợp để bảo đảm và nâng cao chất lượng trong bối cảnh chuyển đổi số. Thực tiễn tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy dữ liệu đã được sử dụng trong tuyển sinh, tổ chức lớp, giảng dạy, kiểm tra đánh giá, khảo thí và phản hồi. Vấn đề cốt lõi là chuẩn hóa, liên thông và sử dụng dữ liệu kịp thời.

Nghiên cứu đề xuất khung gồm 5 thành tố: hạ tầng dữ liệu số, quy trình dữ liệu, bộ chỉ báo chất lượng, ra quyết định dựa trên bằng chứng, an toàn và đạo đức dữ liệu. Khung vận hành theo chu trình thu thập, chuẩn hóa, phân tích, báo cáo, ra quyết định và cải tiến chất lượng. AI hỗ trợ phân tích, phát hiện xu hướng và cảnh báo, nhưng con người vẫn kiểm tra bối cảnh và chịu trách nhiệm cuối cùng.

Trung tâm nên ưu tiên thống nhất mã người học, mã lớp, kỳ thi, thời điểm chốt và phiên bản số liệu, đồng thời từng bước kết nối các nguồn dữ liệu. Song song, cần xây dựng bộ chỉ báo chất lượng gọn, rõ nguồn và sử dụng thường xuyên; bồi dưỡng kỹ năng đọc, phân tích và kiểm tra dữ liệu cho đội ngũ. AI nên được thí điểm ở các nhiệm vụ có dữ liệu ổn định, đánh giá hiệu quả trước khi mở rộng sang các hoạt động quản lý có mức độ ảnh hưởng cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abraham, R., Schneider, J., & vom Brocke, J. (2019). Data governance: A conceptual framework, structured review, and research agenda. International Journal of Information Management, 49, 424–438. https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2019.07.008

Chan, C. K. Y. (2023). A comprehensive AI policy education framework for university teaching and learning. International Journal of Educational Technology in Higher Education, 20, Article 38. https://doi.org/10.1186/s41239-023-00408-3

European Commission, Directorate-General for Education, Youth, Sport and Culture. (2022). Ethical guidelines on the use of artificial intelligence and data in teaching and learning for educators. Publications Office of the European Union. https://doi.org/10.2766/153756

Mandinach, E. B., & Schildkamp, K. (2021). Misconceptions about data-based decision making in education: An exploration of the literature. Studies in Educational Evaluation, 69, 100842. https://doi.org/10.1016/j.stueduc.2020.100842

OECD. (2023). OECD digital education outlook 2023: Towards an effective digital education ecosystem. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/c74f03de-en

Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học. (2026). Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới [Báo cáo nội bộ]. Trường Đại học Đồng Tháp.

Tsai, Y.-S., Rates, D., Moreno-Marcos, P. M., Muñoz-Merino, P. J., Jivet, I., Scheffel, M., Drachsler, H., Kloos, C. D., & Gašević, D. (2020). Learning analytics in European higher education—Trends and barriers. Computers & Education, 155, 103933. https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.103933

UNESCO. (2023a). Global education monitoring report 2023: Technology in education: A tool on whose terms? https://doi.org/10.54676/UZQV8501

UNESCO. (2023b). Guidance for generative AI in education and research. https://doi.org/10.54675/EWZM9535